

Bản án số: 242/2022/KDTM-PT
Ngày: 16/5/2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Trương Thị Thảo

Bà Hoàng Thị Bích Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20, 29 tháng 4 và ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2020/TLPT-KDTM ngày 19/11/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 59/2020/KDTM-ST ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1083/2022/QĐ-PT ngày 28/3/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng A

Địa chỉ: 02 đường H1, phường H2, quận H3, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đinh Văn H, là đại diện theo ủy quyền, theo Giấy ủy quyền số 113/UQ – NH No.10 KTKSNB ngày 19/3/2021 (có mặt).

- Bị đơn: Công ty MDH

Địa chỉ: 49/3B đường B, Phường B1, Quận B2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Ngô Thị Tuyết N (có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: 173 đường C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chức danh: Giám đốc, là đại diện theo pháp luật.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Lưu Tuấn L, Luật sư của Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Ngô Thị Tuyết N, sinh năm 1972 (có đơn xin vắng mặt)

2. Ông Cao Ngọc T, sinh năm 1965

Cùng địa chỉ: 173 đường C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

3. Bà Ngô Thị Tuyết X, sinh năm 1963 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: 167 đường C, Phường C1, Quận C2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà Ngô Thị Tuyết X: Ông Lưu Tuấn L, Luật sư của Công ty Luật TNHH T, thuộc Đoàn Luật sư Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người kháng cáo: Bị đơn là Công ty MDH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N, bà Ngô Thị Tuyết X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Theo Đơn khởi kiện ngày 20/5/2014, Đơn thay đổi và rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/5/2020 của nguyên đơn là Ngân hàng A (sau đây viết tắt là Ngân hàng) cùng lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn như sau:

Ngân hàng A Chi nhánh 10 và Công ty MDH (sau đây viết tắt là Công ty MDH) đã ký Hợp đồng tín dụng số 6420LAV - 200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 với nội dung cụ thể như sau:

- Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn lưu động để kinh doanh ngành may mặc và các ngành khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Thời hạn vay: 12 tháng, từ ngày 07/01/2009 đến hết ngày 07/01/2010. Gia hạn 12 tháng, hạn trả cuối 07/01/2011 theo giấy đề nghị gia hạn hạn mức tín dụng ngày 06/01/2010.

- Lãi suất: 1,05%/tháng. Lãi suất có điều chỉnh tăng hoặc giảm theo khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng nêu trên.

- Phương thức trả lãi: Vào ngày 30 hàng tháng.

- Phương thức trả gốc: Theo từng lần nhận nợ.

- Dư nợ: 14.074.740.045 đồng.

Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty MDH theo các giấy nhận nợ như sau:

+ Ngày 31/10/2009, nhận nợ số tiền: 1.600.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS-200907120. (Dư nợ: 704.896.000 đồng).

+ Ngày 29/01/2010, nhận nợ số tiền: 1.600.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS- 201000324. Dư nợ 1.600.000.000 đồng.

+ Ngày 12/02/2010, nhận nợ số tiền: 1.800.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS- 201000461. Dư nợ: 1.800.000.000 đồng.

+ Ngày 31/03/2010, nhận nợ số tiền: 1.400.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS- 201000794. Dư nợ: 1.400.000.000 đồng.

+ Ngày 14/05/2010 nhận nợ số tiền: 1.500.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS- 201001218. Dư nợ: 1.500.000.000 đồng.

+ Ngày 28/10/2010 nhận nợ bắt buộc (khi chiết khấu bộ chứng từ) số tiền: 7.169.844.045 đồng (theo Giấy nhận nợ số 6420-LDS- 201002678. Dư nợ: 7.069.844.045 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng và Công ty MDH đã ký kết các hợp đồng thế chấp và cầm cố tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009, tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết N và ông Cao Ngọc T).

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, gồm 02 (hai) tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số E9/54 ấp 5 xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết X).

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801424/HĐTC, do phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, tài sản: Các thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị Tuyết X).

- Cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu, giá trị 391.810USD (tạm tính theo tỷ giá 21.000đồng/USD là 8.228.010.000 đồng). Phạm vi đảm bảo: 7.169.844.045đồng, gồm có các vận đơn sau:

 - + Vận đơn VN 3250488, giá trị 99,600 USD;

 - + Vận đơn VN 3250555, giá trị 109,350 USD;

 - + Vận đơn VN 3250629, giá trị 88,880 USD.

 - + Vận đơn MOLU 1540112594, giá trị 93,980 USD.

Trong suốt thời gian dài, Công ty MDH đã vi phạm Hợp đồng tín dụng số 6420LAV200803527 ngày 24/12/2008. Ngân hàng đã nhắc nhở và cũng đã làm việc nhiều lần. Công ty MDH cũng cam kết trả nợ nhiều lần nhưng đã không thực hiện.

Do vậy, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bị đơn là Công ty MDH trả số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 08/9/2020 tổng cộng là 35.056.248.529 đồng (ba mươi

lăm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 14.074.740.045 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Lãi trong hạn: 14.070.714.905 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm lẻ năm đồng*).

- Lãi quá hạn: 6.910.793.579 đồng (*sáu tỷ, chín trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 6420 LAV - 200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 được tính tiếp theo từ ngày 09/9/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

Trường hợp Công ty MDH không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số nợ trên, Ngân hàng yêu cầu Tòa án tuyên phát mãi các tài sản thế chấp để bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của bị đơn Công ty MDH nhằm thu hồi toàn bộ nợ vay cho Ngân hàng, bao gồm: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh; Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: E9/54 ấp 5 xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh; Các thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh. Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty MDH đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì Công ty MDH phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

Ngày 07/5/2020, Ngân hàng có đơn yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án giải quyết việc cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu (các Vận đơn VN 3250488, VN 3250555, VN3250629, MOLU 1540112594).

Bị đơn là Công ty MDH có người đại diện hợp pháp là bà Ngô Thị Tuyết N trình bày:

Ngân hàng và Công ty MDH có ký Hợp đồng tín dụng 6420LAV-200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 với các nội dung như nguyên đơn trình bày. Công ty MDH đã nhận nợ tổng cộng là 14.074.740.045 đồng theo các Giấy nhận nợ mà nguyên đơn đã trình bày.

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng và Công ty MDH đã ký kết các hợp đồng thế chấp và cầm cố tài sản sau:

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009, tài sản: Nhà đất tọa

lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, , khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: E9/54 ấp 5 xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801424/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, tài sản: Các thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu, giá trị 391.810 USD (tạm tính theo tỷ giá 21.000 đồng/USD là 8.228.010.000đồng. Phạm vi đảm bảo: 7.169.844.045 đồng, gồm có các vận đơn sau: Vận đơn VN 3250488, giá trị 99,600 USD; Vận đơn VN 3250555, giá trị 109,350 USD; Vận đơn VN 3250629, giá trị 88,880 USD; Vận đơn MOLU 1540112594, giá trị 93,980 USD.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty MDH vi phạm nghĩa vụ trả nợ do Công ty MDH ngưng hoạt động đã lâu nên việc trả nợ cho Ngân hàng gặp nhiều khó khăn. Nay, đề nghị Ngân hàng giảm tiền lãi quá hạn, giảm một phần tiền lãi trong hạn và cho Công ty MDH thời hạn tối đa 09 tháng để trả nợ. Đồng thời, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty MDH bán tài sản thế chấp để trả nợ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty MDH có ông Lê Tấn S là đại diện theo ủy quyền trình bày: Các bên có ký hợp đồng tín dụng vay tiền và ký các hợp đồng thế chấp, cầm cố tài sản nhưng không thừa nhận còn thiếu số nợ như Ngân hàng đưa ra vì không có chứng cứ. Đồng thời, bị đơn phản đối thẩm quyền giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án và bác yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện đã rút đối với bốn bộ chứng từ chiết khấu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N trình bày:

Tại bản tự khai, bà N thống nhất với toàn bộ ý kiến của Công ty MDH, đồng ý dùng tài sản đã thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay của Công ty MDH. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Công ty MDH bán các tài sản thế chấp để trả nợ.

Bà N có đơn yêu cầu vắng mặt và đơn trình bày về việc phản đối thẩm quyền giải quyết vụ án vì cho rằng thẩm quyền giải quyết vụ án là Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh là Tòa án nơi bị đơn có trụ sở; không đồng ý dùng tài sản thế chấp để đảm bảo cho toàn bộ số nợ của bị đơn; đề nghị đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã rút; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng quy định về thời hiệu khởi kiện vụ án và đình chỉ việc giải quyết vụ án vì thời hiệu khởi kiện vụ án đã hết. Trường hợp không chấp nhận đình chỉ việc giải quyết vụ án vì đã hết thời hiệu khởi kiện thì đề nghị Tòa án áp dụng quy định pháp luật dân sự về thời hiệu khởi kiện đã hết để giải quyết vụ án và bác toàn bộ

yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng. Tuyên vô hiệu hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết X trình bày:

Tại bản tự khai, bà X đồng ý dùng tài sản đã thế chấp để bảo đảm khoản nợ vay của Công ty MDH. Đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho bị đơn Công ty MDH bán các tài sản thế chấp để trả nợ.

Bà X có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có các đơn thống nhất với ý kiến của bà N.

Tại Bản án sơ thẩm số 59/2020/KDTM-ST ngày 08/9/2020 của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng;

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc không yêu cầu Tòa án xét xử đối với việc cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu.

1.2. Buộc Công ty MDH thanh toán cho Ngân hàng A số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 08/9/2020 tổng cộng là 35.056.248.529 đồng (*ba mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng*), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 14.074.740.045 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Nợ lãi trong hạn: 14.070.714.905 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm lẻ năm đồng*).

- Nợ lãi quá hạn: 6.910.793.579 đồng (*sáu tỷ, chín trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 6420LAV-200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 được tính tiếp theo từ ngày 09/9/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

1.3. Trong trường hợp Công ty MDH không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số nợ trên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009, tài sản là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11, , khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết N và ông Cao Ngọc T).

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009 gồm 02 tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: E9/54 ấp 5 xã

H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết X).

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200801424, do phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, gồm: thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị Tuyết X).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty MDH đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì Công ty MDH phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

2. Trường hợp Công ty MDH thanh toán xong nợ, Ngân hàng không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì Ngân hàng có trách nhiệm hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp như hợp đồng thế chấp mà đôi bên đã ký kết với nhau.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/9/2020, Công ty MDH kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 18/9/2020, bà Ngô Thị Tuyết N kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 18/9/2020, bà Ngô Thị Tuyết X kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Với cùng lý do là Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng, không khách quan, bỏ qua và không xem xét toàn diện chứng cứ trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn là Công ty MDH có bà Ngô Thị Tuyết N là đại diện theo pháp luật vắng mặt nhưng có bản trình bày (do người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp) nộp tại phiên tòa phúc thẩm, như sau:

Bản án sơ thẩm đã đình chỉ yêu cầu khởi kiện đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu xử lý phát mãi 04 bộ chứng từ chiết khấu là không đúng vì tại thời điểm thụ lý thì Tòa án cấp sơ thẩm không có thẩm quyền thụ lý vụ án khi có đương sự liên quan đến 04 bộ chứng từ này là Công ty Mozvina đang có địa chỉ tại nước ngoài.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm tuyên cho phát mãi cả tài sản thế chấp nhà và đất của bà Ngô Thị Tuyết X, Ngô Thị Tuyết N và ông Cao Ngọc T để thu hồi toàn bộ số nợ gốc và lãi trong đó có khoản nợ gốc và lãi được đảm bảo bằng cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu là không đúng, không đảm bảo quyền, lợi ích của bị đơn.

Do vậy, đề nghị Tòa án xem xét khoản nợ gốc và lãi được đảm bảo bằng việc cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu này.

Đề nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn là ông Lưu Tuấn Linh trình bày và phát biểu ý kiến tranh luận:

Tương tự, như ý kiến trình bày của phía bị đơn, ông bổ sung ý kiến, như sau:

Theo bộ chứng từ chiết khấu và các đơn xin chiết khấu thể hiện các bên giao dịch bằng ngoại tệ nên số tiền vay có cầm cố các bộ chứng từ không phát sinh tiền lãi.

Tại bản kê gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2020 do đại diện Ngân hàng nộp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/4/2022 thể hiện số tiền gốc tính lãi theo số giải ngân 6428 LDS 2014002678 (dòng 6) là 7.169.844.045 đồng (từ ngày 26/11/2010) nhưng đến dòng 7 số tiền gốc tính lãi là 7.069.844.045 đồng (tính từ ngày 22/8/2012) có chênh lệch 100.000.000 đồng nên đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại số tiền lãi.

Án sơ thẩm tuyên xử phát mãi toàn bộ tài sản thế chấp là không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Do bản án sơ thẩm có vi phạm về thủ tục tố tụng và vi phạm về nội dung nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N có đơn xin vắng mặt nhưng có đơn trình bày bổ sung:

Bản án sơ thẩm tuyên phát mãi nhà của bà để trả toàn bộ số nợ mà Công ty Công ty MDH vay là xâm phạm đến quyền lợi của bà. Bà chỉ ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh trong phạm vi khoản vay là 7.000.000.000 đồng. Bà không bảo lãnh cho khoản vay cầm cố bộ chứng từ 7.169.844.045 đồng. Bà không có nghĩa vụ trả thay cho Công ty MDH đối với khoản vay mà bà không bảo lãnh thế chấp. Do vậy, bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo quy định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết X có đơn xin vắng mặt có đơn trình bày bổ sung (do người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp nộp tại phiên tòa):

Bản án sơ thẩm tuyên phát mãi nhà của bà để trả toàn bộ số nợ mà Công ty Công ty MDH vay là xâm phạm đến quyền lợi của bà. Bà Chỉ ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh trong phạm vi khoản vay là 7.000.000.000 đồng. Bà không bảo lãnh cho khoản vay cầm cố bộ chứng từ 7.169.844.045 đồng. Do vậy, bà không có nghĩa vụ trả thay cho Công ty MDH đối với khoản vay mà bà không bảo lãnh thế chấp. Do vậy, bà đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo quy định.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bà X là ông Lưu Tuấn L trình bày và phát biểu ý kiến tranh luận:

Đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo quy định.

Nguyên đơn là Ngân hàng A có ông Đinh Văn H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngân hàng A - Chi nhánh Quận 10 có địa chỉ trụ sở tại số: 326 đường N, Phường N1, Quận N2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo hợp đồng tín dụng: Lãi suất: 1,05%/tháng. Lãi suất có điều chỉnh tăng hoặc giảm theo khoản 2.1 Điều 2 của Hợp đồng tín dụng nêu trên. Mức lãi suất có thay đổi theo từng thời điểm giải ngân và được thỏa thuận trong giấy nhận nợ.

Ngoài các Hợp đồng tín dụng số 6420 - LAV200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013, giữa đại diện Ngân hàng và đại diện Công ty MDH có ký các Biên bản làm việc ngày 16/10/2012, ngày 15/3/2013 và ngày 09/01/2014, phía Công ty MDH xác định tính đến ngày 09/01/2014 số nợ gốc là 14.074.740.045 đồng và nợ lãi là 10.390.373.287 đồng. Phía Công ty MDH cam kết ngày 20/01/2014 trả 500.000.000 đồng và ngày 27/01/2014 trả 5.000.000.000 đồng và nếu không thanh toán đồng ý giao cho Ngân hàng toàn quyền bán tài sản đảm bảo ra Trung tâm đấu giá để thu hồi nợ.

Theo các hợp đồng thế chấp tài sản đều có nêu phạm vi bảo đảm, cụ thể:

Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009, tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết N và ông Cao Ngọc T), đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 6 ngày 09/01/2009 (Phạm vi đảm bảo 2.6660.000.000 đồng).

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, gồm 02 (hai) tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh, đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Quận 6 ngày 07/01/2009. (Phạm vi đảm bảo 2.670.000.000 đồng) và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ số E9/54 ấp 5 xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết X), đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Bình Chánh (Phạm vi đảm bảo 490.000.000 đồng).

Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009 (phần đầu hợp đồng ghi ngày 05/01/2008 là ghi nhầm năm, được Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009),

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801424/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, tài sản: Các thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị Tuyết X), đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Huyện Bình Chánh ngày 06/01/2009 (Phạm vi đảm bảo 1.970.000.000 đồng).

Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng có thông báo cho bị đơn biết là phía Ngân hàng không thể thu hồi số tiền chiết khấu từ các bộ chứng từ vận đơn do bị đơn cầm cố, phía bị đơn biết việc nguyên đơn rút phần yêu cầu này, chính vì vậy trong các biên bản làm việc và biên bản làm việc sau cùng ngày 20/5/2020, phía bị đơn đồng ý cam kết dùng tài sản thế chấp để đảm bảo thanh toán cho toàn bộ số nợ gốc và lãi cho nguyên đơn.

Việc Ngân hàng mua lại phần chiết khấu vận đơn là chiết khấu có truy đòi, do không thu được số tiền từ các vận đơn nên Ngân hàng đã thực hiện việc truy đòi số tiền đã mua, do vậy việc mua bán chiết khấu truy đòi này đã thực hiện xong, việc mua lại phần chiết khấu là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật trong hoạt động tín dụng.

Công ty MDH đã ký nhận nợ theo giấy nhận nợ ngày 28/10/2010, số tiền 7.169.844.045 đồng để thanh toán bộ chứng từ chiết khấu. Giấy nhận nợ cũng thể hiện căn cứ vào hợp đồng tín dụng số 6420 LAV- 6200803527 ngày 24/12/2008. Phía bị đơn đã ký nhận nợ theo giấy nhận nợ ngày 28/10/2010, số tiền 7.169.844.045 đồng là số tiền vay theo hợp đồng đồng tín dụng nên phía bị đơn phải trả lãi theo hợp đồng tín dụng.

Tại bản kê gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2020 do phía nguyên đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/4/2022 thể hiện số tiền gốc tính lãi theo số giải ngân 6428 LDS 2014002678 (dòng 6) số tiền gốc là 7.169.844.045 đồng từ ngày 26/11/2010 nhưng đến dòng 7 số tiền gốc tính lãi là 7.069.844.045 đồng tính từ ngày 22/8/2012 có chênh lệch 100.000.000 đồng là do ngày 21/8/2012, phía Công ty MDH đã thanh toán 100.000.000 đồng nên số nợ gốc tính tiền lãi là 7.069.844.045 đồng (tính từ ngày 22/8/2012).

Do vậy, phía Ngân hàng yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm:

Tòa án nhân dân Quận 10 thụ lý và giải quyết theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của đương sự hợp lệ theo quy định của Bộ Luật Tố Tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Căn cứ tài liệu chứng cứ và lời trình bày đương sự thể hiện phía bị đơn đã thừa nhận số nợ đã vay nhưng có ý kiến kháng cáo về số nợ được đảm bảo bằng chứng từ vận đơn chiết khấu.

Hợp đồng tín dụng, các phụ lục hợp đồng tín dụng, các hợp đồng thế chấp các biên bản làm việc giữa các bên thể hiện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có biết việc Ngân hàng không thu hồi số tiền từ bộ chứng từ vận đơn và đồng ý nhận nợ. Các đương sự không bổ sung tài liệu, chứng cứ mới tại cấp phúc thẩm.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự là hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tòa án Cấp sơ thẩm đã căn cứ thỏa thuận các bên theo Hợp đồng tín dụng số 6420LA-V200803527 ngày 24/12/2008 để thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ Hợp đồng tín dụng số 6420LAV-200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 và các biên bản làm việc giữa đôi bên về việc thỏa thuận thanh toán nợ ngày 16/10/2012, 15/3/2013, 09/01/2014 để xác định ngày 20/5/2014, Ngân hàng khởi kiện Công ty MDH tại Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh là còn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 Bộ luật Dân sự năm 2015 là có căn cứ.

Ông Cao Ngọc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tổng đạt triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định: Ngân hàng A – Chi nhánh quận 10 (viết tắt là Ngân hàng) và Công ty MDH có ký kết Hợp đồng tín dụng số 6420LAV-200803527 ngày 24/12/2008 và các Phụ lục hợp đồng tín dụng. Quá trình thực hiện hợp đồng, phía Ngân hàng đã giải ngân khoản tiền vay và phía Công ty MDH đã ký nhận với Ngân hàng tổng khoản vay là 14.074.740.045 đồng theo các Giấy nhận nợ. Ngoài các Hợp đồng tín dụng và các giấy nhận nợ nhận nợ, hai bên còn xác lập các biên bản làm về việc thỏa thuận thanh toán nợ ngày 16/10/2012, 15/3/2013, 09/01/2014, 11/5/2020 nhưng sau đó phía Công ty MDH vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả số nợ như cam kết tại biên bản làm việc.

Xét ý kiến kháng cáo của phía bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Đối với ý kiến kháng cáo của phía Công ty MDH và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MDH nêu rằng tại đơn khởi kiện của nguyên đơn có yêu cầu xử lý tài sản cầm cố đối với 04 bộ chứng từ chiết khấu để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ cho khoản nợ của Công ty MDH, các chứng từ chiết khấu này có liên quan đến nhân tố nước ngoài nên vụ việc không thuộc thẩm quyền

giải quyết theo thủ tục sơ thẩm tại Tòa án cấp quận, huyện. Xét thấy, đơn khởi kiện của nguyên đơn không nêu cụ thể nhân tố nước ngoài, trong quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn đã có đơn rút phần yêu cầu xử lý đối với 04 bộ chứng từ chiết khấu và Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa thực hiện thủ tục tố tụng để giải quyết vụ việc có nhân tố nước ngoài theo quy định của Bộ Luật Tố tụng dân sự. Do nguyên đơn rút phần yêu cầu nên Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút là có căn cứ, việc đình chỉ phần yêu cầu này không ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như ý kiến kháng cáo của phía bị đơn.

Đối với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MDH nêu rằng theo đơn xin chiết khấu thể hiện các bên giao dịch bằng ngoại tệ là giao dịch trái pháp luật nên không phát sinh số tiền lãi. Ngược lại, phía Ngân hàng xác định việc chiết khấu có truy đòi là giao dịch đã thực hiện xong giữa các bên. Xét thấy, việc chiết khấu có truy đòi giữa Ngân hàng với bị đơn là giao dịch khác không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và phía bị đơn cũng không có yêu cầu phản tố.

Đối với ý kiến trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty MDH nêu rằng tại bản kê tiền gốc và lãi tính đến ngày 08/9/2020 do phía nguyên đơn nộp tại phiên tòa phúc thẩm ngày 20/4/2022 thể hiện số tiền gốc tính lãi theo số giải ngân 6428 LDS 2014002678 (dòng 6) có chênh lệch 100.000.000 đồng đã được phía nguyên đơn xác nhận là do Công ty MDH đã thanh toán 100.000.000 đồng vào ngày 21/8/2012 nên số tiền gốc còn lại để tính lãi là khớp với số liệu nợ gốc tính lãi đã được cấp sơ thẩm chấp nhận.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn là Công ty MDH phải trả cho Ngân hàng A số nợ phát sinh từ Hợp đồng và các phụ lục hợp đồng tín dụng nêu trên, tổng cộng 35.056.248.529 đồng (gồm: Nợ gốc: 14.074.740.045 đồng, Nợ lãi trong hạn: 14.070.714.905 đồng, Nợ lãi quá hạn: 6.910.793.579 đồng là phù hợp thỏa thuận của các bên theo hợp đồng, phù hợp quy định tại khoản 16 Điều 4 và Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

Đối với ý kiến kháng cáo của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N và bà Ngô Thị Tuyết X về tài sản đảm bảo:

Để đảm bảo cho khoản vay trên, Ngân hàng và Công ty MDH đã ký kết các hợp đồng thế chấp

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009.

- Hợp đồng thế chấp số: 6420-LCP-200801424/HĐTC, do phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp nêu trên được công chứng chứng thực, được đăng ký thế chấp phù hợp quy định tại Điều 9, Điều 12 Nghị định số

163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Điều 342, Điều 343, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định về thế chấp tài sản và hình thức thế chấp tài sản.

Công ty MDH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N và bà Ngô Thị Tuyết X nêu ý kiến kháng cáo cho rằng các đương sự chỉ thế chấp tài sản để đảm bảo khoản vay nhận nợ theo hợp đồng tín dụng, không đảm bảo cho khoản nhận nợ của bị đơn có đảm bảo bằng việc cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu mà nguyên đơn đã rút yêu cầu.

Xét thấy, các Hợp đồng thế chấp nêu trên đều có xác định phạm vi đảm bảo nên ý kiến kháng cáo của bị đơn nêu chỉ chấp nhận xử lý tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp đã ký và không chấp nhận xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo nghĩa vụ cho toàn bộ số nợ gốc và lãi của Công ty MDH là phù hợp thỏa thuận các bên trong hợp đồng thế chấp và phần yêu cầu này của nguyên đơn đã được tuyên xử tại phần quyết của bản án sơ thẩm.

Tòa án Cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là trong trường hợp Công ty MDH không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số nợ trên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp là có cơ sở, phù hợp quy định pháp luật nêu trên.

Với nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến kháng cáo của phía bị đơn và ý kiến kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của các đương sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm như yêu cầu của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn và người kháng cáo chịu án phí theo quy định tại Điều 147, Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b, g khoản 1 Điều 40, Điều 147, Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 342, Điều 343, Điều 715, Điều 721 Bộ luật Dân sự năm 2005
Bộ Luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Điều 26, khoản 2 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là Công ty MDH và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị Tuyết N, bà Ngô Thị Tuyết X.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

1.1. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A về việc không yêu cầu Tòa án xét xử đối với việc cầm cố 04 bộ chứng từ chiết khấu.

1.2. Buộc Công ty MDH thanh toán cho Ngân hàng A số tiền vốn lãi tính đến hết ngày 08/9/2020 tổng cộng là 35.056.248.529 đồng (*ba mươi lăm tỷ, không trăm năm mươi sáu triệu, hai trăm bốn mươi tám nghìn, năm trăm hai mươi chín đồng*), trong đó gồm:

- Nợ gốc: 14.074.740.045 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi bốn triệu, bảy trăm bốn mươi nghìn, không trăm bốn mươi lăm đồng*).

- Nợ lãi trong hạn: 14.070.714.905 đồng (*mười bốn tỷ, không trăm bảy mươi triệu, bảy trăm mười bốn nghìn, chín trăm lẻ năm đồng*).

- Nợ lãi quá hạn: 6.910.793.579 đồng (*sáu tỷ, chín trăm mười triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bảy mươi chín đồng*).

Cùng tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 6420LAV200803527 ngày 24/12/2008; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 01/PLHĐTD ngày 12/02/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 02/PLHĐTD ngày 31/3/2010; Phụ lục hợp đồng tín dụng số 03/PLHĐTD ngày 15/3/2013 được tính tiếp theo từ ngày 09/9/2020 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ phát sinh trong hợp đồng.

1.3. Trong trường hợp Công ty MDH không trả hoặc trả không đầy đủ toàn bộ số nợ trên Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo các hợp đồng thế chấp:

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200900040, do Phòng Công chứng số 4, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 08/01/2009, tài sản là nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 61 Đường số 11 khu dân cư F, Phường F1, Quận F2,

Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết N và ông Cao Ngọc T).

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200801423/HĐTC, do Phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009 gồm 02 tài sản: Nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: 55 Đường số 11, khu dân cư F, Phường F1, Quận F2, Thành phố Hồ Chí Minh và nhà đất tọa lạc tại địa chỉ: E9/54 ấp 5 xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở là bà Ngô Thị Tuyết X).

- Hợp đồng thế chấp tài sản số: 6420-LCP-200801424, do phòng Công chứng số 2, Thành phố Hồ Chí Minh chứng nhận ngày 05/01/2009, gồm: thửa đất số 523, 524, 529 tọa lạc tại xã H, huyện H1, Thành phố Hồ Chí Minh (chủ sử dụng đất là bà Ngô Thị Tuyết X).

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty MDH đối với Ngân hàng. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thanh toán hết nợ thì Công ty MDH Huy phải tiếp tục thanh toán số nợ còn lại cho Ngân hàng.

2. Trường hợp Công ty MDH thanh toán xong nợ, Ngân hàng A không yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp thì Ngân hàng A có trách nhiệm hoàn trả bản chính các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho người đã thế chấp như hợp đồng thế chấp mà đôi bên đã ký kết với nhau.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Phản quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty MDH phải nộp 143.056.248 đồng (một trăm bốn mươi ba triệu, không trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm bốn mươi tám đồng) án phí sơ thẩm. Hoàn lại cho nguyên đơn -Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí 66.828.000 (*sáu mươi sáu triệu, tám trăm hai mươi tám nghìn*) đồng đã tạm nộp theo biên lai thu tiền số AA/2011/04620 ngày 09/6/2014 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty MDH phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng, đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng đã nộp theo biên lai thu số 0049558 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Ngô Thị Tuyết Nga phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng, đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0049566 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Ngô Thị Tuyết X phải chịu án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng, đã nộp số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 2.000.000đồng theo biên lai thu số 0049565 ngày 02/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong